

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2022/HS-ST

Ngày: 25- 10- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghi

2. Bà Cao Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Lưu Xuân S, sinh ngày 02/7/1990 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn L, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Vĩnh B, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không

Tiền án: Bản án số 81/2020/HS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Lưu Xuân S 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Nhân thân: Ngày 14/7/2005, bị Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính, hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Bản án số 18/2009/HSST ngày 22/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Lưu Xuân S 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”, tháng 9/2009 chấp hành xong án phí. Bản án số 24/2010/HSST ngày 20/5/2010 của Tòa án nhân

dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Lưu Xuân S 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/12/2013, chấp hành xong án phí tháng 7/2010. Tại Bản án số 09/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Lưu Xuân S 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/3/2018, chấp hành xong án phí, sung công tháng 6/2016. Ngày 14/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 01 năm 06 tháng.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Đức C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đỗ Văn C1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình

+ Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1985; anh Lê Xuân D, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Địa cư trú: Thôn Kh, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/7/2022, Lưu Xuân S đi bộ từ nhà đến xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S đi đến nhà anh Đỗ Văn C1, sinh năm 1981 ở thôn Kh, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình. Quan sát thấy ở phía ngoài đường giáp tường bao phía trước nhà anh Cai có dựng 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu NISHIKI BIKE, không có biển kiểm soát, màu xanh đen, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn N có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện. Quan sát không thấy ai trông coi chiếc xe, S đã lại gần chiếc xe máy điện, mở khóa và điều khiển chiếc xe đi về hướng đình làng Khả, xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, sau đó đi sang thị

trần Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Tại đây, S gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu, đang đứng ở đường gần khu vực chợ thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, S đặt vấn đề cầm cố xe thì người này đồng ý cầm cố cho S với số tiền 600.000 đồng, S hẹn 03 ngày sau đến chuộc lại xe. Số tiền cầm cố xe, S tiêu xài cá nhân hết. Đến trưa ngày 10/07/2022, anh Vũ Đức C đến nhà S chơi, hỏi S có chiếc xe máy điện nào bán không, S đã nói dối anh C là có chiếc xe máy điện muốn bán đang cầm cố tại thị trấn Quỳnh Côi, anh C mua sẽ chuộc về bán cho anh C thì anh C đồng ý mua. Đến tối ngày 10/07/2022, anh C đưa cho S 700.000 đồng, sau đó, S một mình đi đến khu vực chợ thị trấn Quỳnh Côi tìm người đã nhận cầm cố để chuộc xe; khi đi đến khu vực gần cổng chợ thì gặp người này đang đứng ở đó. S thanh toán số tiền gốc là 600.000 đồng và tiền lãi là 100.000 đồng, rồi mang xe về bán cho anh C với giá 1.100.000 đồng, trừ đi số tiền anh C đưa cho S đi chuộc xe thì anh C đã trả thêm cho S số tiền là 400.000 đồng, sau khi nhận tiền S chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 14/7/2022, anh C nghi ngờ chiếc xe máy điện mua của S là tài sản trộm cắp nên đã đến Công an xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để trình báo. Sau đó, S bị Cơ quan Công an triệu tập để làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu NISHIKI BIKE, màu xanh đen đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 2.650.000 đồng.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKSHH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố Lưu Xuân S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Xuân S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lưu Xuân S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Trả lại cho anh Nguyễn Văn Nam 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu NISHIKI BIKE, không có biển kiểm soát, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 21 giờ ngày 07/7/2022, tại đường làng trước cửa nhà anh Đỗ Văn Cai ở thôn Khả Đông, xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Lưu Xuân S đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu NISHIKI BIKE, màu xanh đen đã qua sử dụng trị giá 2.650.000 đồng của anh Nguyễn Văn Nam, mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo Lưu Xuân S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân rất xấu và đang có tiền án nhưng bị cáo không nhận thức và cải tạo bản thân, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, thể hiện ý thức coi thường pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có 01 tiền án về tội “trộm cắp tài sản” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những căn cứ trên, C áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đề nghị xin lại chiếc xe máy điện đã bị trộm cắp. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, C trả lại cho anh Nguyễn Văn N01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu NISHIKI BIKE, không có biển kiểm soát, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

[9] Sau khi trộm cắp được chiếc xe máy điện trên, bị cáo S đã cầm cố cho 01 người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể trên đường gần khu vực chợ thị trấn Quỳnh Côi. Sau đó, S đã đến chuộc lại chiếc xe máy điện với giá 700.000 đồng rồi mang đến bán cho anh Vũ Đức C. Anh C đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà. Quá trình điều tra xác định ngoài lời khai của S không có tài liệu nào khác nên không xác định được con người cụ thể (người đàn ông đã cầm cố chiếc xe), vì vậy không có căn cứ xử lý trong vụ án này. Đối với anh Vũ Đức C, khi mua chiếc xe máy điện trên, S nói đó là xe của S, không nói là tài sản do S trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà không xử lý đối với anh C là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Xuân S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lưu Xuân S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/7/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại cho anh Nguyễn Văn N 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu NISHIKI BIKE, không có biển kiểm soát, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 05/10/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Lưu Xuân S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS H. Hưng Hà;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng